

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **115/2020/DS-PT**

Ngày 30-07-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thẩm phán Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Bà Hoàng Thị Thu Minh

- *Thư ký phiên tòa:* ông Lê Quốc Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 03 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án sơ thẩm số 59/2019/DS-ST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo và kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 124/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 06 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2020/QĐ-PT ngày 30/06/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 13B/72, Khu phố 11, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Bà **Đinh Thị Ngọc Th**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: A26B, Tổ 7, Khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Nguyễn Thị Kim H** - thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Kim H; Đoàn luật sư tỉnh Đ.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị B.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

(Bà B, bà Th, luật sư Hoa có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2018, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 13 tháng 4 năm 2009, bà và bà Đinh Thị Ngọc Th có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 15, tờ bản đồ số 25, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Hợp đồng được công chứng tại Phòng công chứng số 4, tỉnh Đ, với nội dung bà Th sẽ chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà với giá 1.500.000.000 đồng. Sau đó, bà Th đã khởi kiện bà tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng nêu trên, vì bà Th cho rằng thực chất số tiền nêu trên là số tiền bà cho bà Th vay với lãi suất 5%/tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, Tòa án hai cấp xét xử đã hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa bà và bà Th, với lý do đây thực chất là hợp đồng vay tài sản, bà Th cũng đã thừa nhận và đồng ý hoàn trả cho bà số tiền nợ gốc cùng tiền lãi đến thời điểm hiện nay.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đinh Thị Ngọc Th phải thanh toán cho bà số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi suất tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2009 cho đến ngày 26 tháng 9 năm 2019 là 3.150.000.000 đồng. Tổng cộng 4.650.000.000 đồng.

- *Bị đơn bà Đinh Thị Ngọc Th trình bày:*

Ngày 13 tháng 4 năm 2009, bà có vay của bà B số tiền 1.500.000.000 đồng. Tại thời điểm vay tiền, bà B hứa bảo đảm vay ngân hàng cho bà là 3.000.000.000 đồng, tiền dịch vụ là 14% và giải ngân nóng trước số tiền 1.500.000.000 đồng. Bà B hứa với bà trong thời hạn một tháng, Ngân hàng sẽ giải ngân và cho bà vay số tiền 3.000.000.000 đồng, bà sẽ trả lại tiền nóng cho bà B 1.500.000.000 đồng. Bà B đã nhận đủ số tiền hoa hồng và lãi suất đầu tiên tại nhà bà B.

Quá trình thực hiện, để đảm bảo cho khoản vay, bà B và bà đã ra Phòng công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà B, để bà B lo việc vay Ngân hàng. Trong thời gian chờ bà B làm thủ tục vay Ngân hàng, bà B tính lãi cho bà tháng đầu tiên là 5%/tháng, cụ thể:

+ Tiền hoa hồng 14%: 210.000.000 đồng.

+ Tiền lãi tháng đầu 5%: 75.000.000 đồng.

+ Bà B cố tình kéo dài thời gian làm thủ tục vay ngân hàng và lấy thêm tiền hoa hồng tiếp theo là 50.000.000 đồng, nhưng vẫn không vay được tiền của Ngân hàng, bà B ép bà phải đóng lãi suất 5%/tháng cho bà B đến tháng 11 năm 2009; tổng cộng là 400.000.000 đồng. Do vậy, tính từ ngày 13/04/2009 đến tháng 11 năm 2009, bà đã trả cho bà B tổng cộng là 735.000.000 đồng.

Nay, bà B khởi kiện yêu cầu bà phải trả cho bà B số tiền nợ là 1.500.000.000 đồng, bà đồng ý. Đối với yêu cầu bà phải trả cho bà B tiền lãi suất tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) từ ngày 13 tháng

4 năm 2009 cho đến ngày 26 tháng 9 năm 2019 là 3.150.000.000 đồng. Tổng cộng 4.650.000.000 đồng, bà không đồng ý vì lý do thời hiệu về việc tính lãi suất (02 năm từ 13/4/2009 đến 13/4/2011) đã hết.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 59/2019/DSST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Đinh Thị Ngọc Th có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị B số tiền nợ còn thiếu là 1.500.000.000 đồng.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B về việc yêu cầu bà Đinh Thị Ngọc Th có trách nhiệm trả số tiền lãi suất là 3.150.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 30 tháng 09 năm 2020 bà Lê Thị B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc bà Đinh Thị Ngọc Th phải trả tiền lãi suất được tính từ ngày 13/04/2009 trên số tiền 1.500.000.000 đồng với mức lãi suất 20%/1 năm cho đến thời điểm xét xử vụ án.

- Ngày 19 tháng 10 năm 2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa có quyết định số 1767/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm 59/2019/DSST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo hướng hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc 1.500.000.000 đồng mà không tính lãi vì cho rằng đã hết thời hiệu là không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và không tính thời hiệu là vi phạm thủ tục tố tụng.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Việc yêu cầu thay đổi nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với nội dung kháng cáo của bà Lê Thị B. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B yêu cầu bà Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền gốc 1.500.000. 000 đồng, và tiền lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng, bà Th chỉ đồng ý trả số tiền gốc còn tiền lãi bà không đồng ý, bà cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện năm 2009 bà Th có vay của bà B 1.500.000.000 đồng để kinh doanh có thỏa thuận lãi 5%/

tháng không làm giấy vay, không trả được ngày 13/4/2009 giữa bà B và bà Th lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phòng công chứng với mục đích để bà B làm thủ tục vay Ngân hàng cho bà Th để bà Th lấy tiền trả cho bà B 1.500.000.000 đồng. Đồng thời hai bên lập phụ lục hợp đồng thời hạn từ 13/4/2009 đến 13/7/2009, bà Th hoàn trả cho bà B 1.500.000.000 đồng thì hai bên hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng, sau đó tiếp tục từ ngày 13/5 đến 12/2009 hai bên liên tục lập giấy thỏa thuận chuộc lại căn nhà và đất, do bà Th không thực hiện, đến ngày 11/7/2011, bà Th khởi kiện tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vụ án được kéo dài đến 2018 liên quan đến số tiền vay đang tranh chấp. Do vậy, vụ án tranh chấp nói trên còn thời hiệu, việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng hết thời hiệu và xác định quan hệ là “Đòi tài sản” là không đúng quy định.

Vì những phân tích trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn tại phiên tòa cho rằng.

Việc vay tiền giữa bà Th và bà B là một hợp đồng được che giấu bởi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả tạo.

Căn cứ vào các giấy thỏa thuận giữa bà Th và bà B về việc chuộc nhà, đến thời điểm ngày 01/12/2012, bà B biết bà Th không có khả năng trả nợ, nhưng bà B không khởi kiện bà Th bằng vụ án vay tài sản mà bà B lại sang tên quyền sử dụng đất của bà Th. Do vậy, tính từ ngày 13/04/2009 đến 01/12/2012 thời điểm này vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự. Vì vậy, bà Th chỉ có trách nhiệm trả cho bà B số tiền vay 1.500.000.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và bác kháng cáo của bà Lê Thị B. Y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị B làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định; quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa bà Lê Thị B thay đổi nội dung yêu cầu kháng cáo, xét thấy yêu cầu thay nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn có lợi cho bị đơn, đồng thời không vượt quá nội dung yêu cầu kháng cáo ban đầu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

Về thời hiệu khởi kiện: Tại phiên tòa, bị đơn bà Đinh Thị Ngọc Th có yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu đối với vụ án và cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết. Hội đồng xét xử xác định Thời hiệu khởi kiện của hợp đồng vay tài sản được tính từ ngày bản án số 25/2018/DSPT ngày 31/1/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên án có hiệu lực pháp luật, thời điểm này bà B có quyền khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do vậy, thời hiệu khởi kiện của vụ án trên vẫn còn. Việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng thời hiệu khởi kiện của vụ án đã hết đồng thời xác định quan hệ tranh chấp là “Đòi tài sản” không tính lãi đối với khoản vay của bị đơn đối với nguyên đơn là không đảm bảo quyền và lợi ích của nguyên đơn, vi phạm quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bà Lê Thị B và nội dung Quyết định kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

Căn cứ và các thỏa thuận giữa bà B và bà Th được thể hiện như sau: Ngày 13/04/2009, bà Th và bà B làm hợp đồng chuyển nhượng, ngày 13/7/2009 hai bên lập giấy thỏa thuận, bà B đồng ý cho bà Th chuộc lại phần đất với giá 1.500.000.000 đồng, ngày 23/9/2009 các bên tiếp tục lập giấy thỏa thuận bà B đồng ý cho bà Th chuộc lại phần đất với giá 1.650.000.000 đồng, ngày 01/11/2009 hai bên tiếp tục lập giấy thỏa thuận bà Th đồng ý chuộc lại phần đất với giá 1.700.000.000 đồng, sau đó và tiếp tục làm thỏa thuận chuộc lại với giá 3.000.000.000 đồng tương ứng 100 lượng vàng SJC quy ra vàng không tính lãi, thời hạn tính từ ngày 28/9/2009 đến 13/02/2011. Bà Th không thực hiện theo thỏa thuận, đến ngày 11/07/2011 bà Th khởi kiện ra tòa yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Vụ án kéo dài đến năm 2018 mới giải quyết xong và giành quyền khởi kiện cho bà B bằng vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do vậy, việc tính lãi của số tiền 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) mà bà Th vay của bà B Hội đồng xét xử xác định được tính từ ngày 11/07/2011 cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án (30/7/2020).

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà B yêu cầu bà Đinh Thị Ngọc Th phải hoàn trả cho bà số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) và lãi xuất theo lãi cơ bản của ngân hàng, bà Th không đồng ý cho rằng trong quá trình vay bà đã trả được cho bà B 750.000.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*). Tuy nhiên, ngoài việc trình bày của bà Th thì bà Th không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh cho việc trả lãi như bà Th đã trình bày. Do vậy, yêu cầu

kháng cáo của bà B và nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về phần áp dụng lãi xuất, quan hệ tranh chấp và thời hiệu của vụ án.

Về lãi xuất cơ bản của Ngân hàng Nhà Nước được tính như sau: Tại quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam, thì lãi xuất cơ bản là 9%/1 năm. Tính từ 11/7/2011 đến thời điểm xét xử 30/7/2020 là 9 năm 20 ngày = $(1.500.000.000đ \times 9\% \times 09 \text{ năm } 20 \text{ ngày} = 1.222.500.000đ)$.

Bà Đinh Thị Ngọc Th phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị B số tiền tổng cộng là 2.722.500.000đồng (*Hai tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*) trong đó tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 1.222.500.000 đồng (*Một tỷ hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[4]. Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về việc yêu cầu áp dụng lãi suất đối với bị đơn, vì thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã hết. Lời trình bày của luật sư không có cơ sở và không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Do vậy, bị đơn bà Đinh Thị Ngọc Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà Lê Thị B là: 86.450.000đồng (*Tám mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) án phí Dân sự phúc thẩm.

Bà Lê Thị B không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và án phí Dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.100.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 007024 ngày 07 tháng 3 năm 2018 và 300.000đồng (*Ba trăm nghìn*) tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0000803 ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự

1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 1767/QĐKNPT-VKS-DS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị B. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 59/2019/DSST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Căn cứ Điều 149, khoản 3 Điều 150, các Điều 429, 357, 463, 465, 466, 468; khoản 2 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Buộc bà Đinh Thị Ngọc Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị B số tiền 2.722.500.000 đồng (*Hai tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*) trong đó tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 1.222.500.000 đồng (*Một tỷ hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 và 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bà Đinh Thị Ngọc Th phải nộp 86.450.000 đồng (*Tám mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) án phí Dân sự phúc thẩm.

Bà Lê Thị B không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và án phí Dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.100.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 007024 ngày 07 tháng 3 năm 2018 và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0000803 ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự Th phố Biên Hòa.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- TAND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: (Tòa, Vp, HS, Thẩm phán).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Kiều Lương

